

Số: 5307/QĐ-VĐTMCNTT

Huế, ngày 15 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về xây dựng học liệu số phục vụ đào tạo từ xa của
Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-ĐHH ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc thành lập Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-ĐHH ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 243/QĐ-ĐHH ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định đào tạo từ xa trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1383/QĐ-ĐHH ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định đào tạo từ xa trình độ đại học tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 1417/QĐ-ĐHH ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về học liệu đào tạo từ xa tại Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế;

Căn cứ chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của các ngành đào tạo đang áp dụng tại Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, Nghiên cứu và Hợp tác phát triển, Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xây dựng học liệu số phục vụ đào tạo từ xa của Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, mọi quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng các đơn vị chức năng, Kế toán trưởng Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, NC&HTPT, PTNH.



Nguyễn Hoàng Sơn

QUY ĐỊNH

Về xây dựng học liệu số phục vụ đào tạo từ xa của
Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế
(Kèm theo Quyết định số 5307 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 15 tháng 9 năm 2025
của Viện trưởng Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho việc xây dựng học liệu số của Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế (sau đây gọi là tắt là Viện) nhằm đảm bảo chất lượng về chuyên môn và kỹ thuật của học liệu số phục vụ đào tạo từ xa.

Đối tượng áp dụng của quy định này bao gồm: các đơn vị thuộc Viện; viên chức, người lao động của Viện; người học thuộc thẩm quyền quản lý của Viện; những cá nhân, đơn vị được Viện mời tham gia xây dựng học liệu số.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Số hoá là quá trình chuyển đổi thông tin từ dạng vật lý (analog) sang định dạng kỹ thuật số (digital) để có thể xử lý, lưu trữ và chia sẻ dễ dàng qua máy tính và mạng internet.

2. Học liệu số là tập hợp các tài nguyên, nội dung dạy và học được chuyển đổi sang dạng kỹ thuật số, bao gồm: bài giảng điện tử, giáo trình điện tử, sách điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra trực tuyến, bản trình chiếu, tệp âm thanh, hình ảnh, video, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác.

3. Hệ thống đào tạo trực tuyến là một nền tảng học tập sử dụng công nghệ thông tin và internet để truyền tải kiến thức, tài liệu, và cho phép tương tác giữa người học và giảng viên từ xa.

Chương II

XÂY DỰNG HỌC LIỆU SỐ

Điều 3. Thành lập Hội đồng biên soạn học liệu số

Viện thành lập Hội đồng để biên soạn học liệu số gồm giảng viên, chuyên gia tư vấn nghiệp vụ giảng dạy trực tuyến, kỹ thuật viên multimedia...

Điều 4. Xây dựng nội dung học liệu và kịch bản giảng dạy

1. Có thể tái cấu trúc đề cương chi tiết môn học để phù hợp với dạy và học trực tuyến. Xây dựng cấu trúc các bài giảng theo từng phần/chương.

2. Xây dựng nội dung các học liệu:

- a) Xây dựng kịch bản giảng dạy.
- b) Xây dựng slide cho từng bài học.
- c) Viết lời thuyết trình, lời giảng phù hợp với nội dung của slide giảng dạy.
- d) Xây dựng chi tiết các hoạt động giảng dạy.
- đ) Dự kiến thời gian giảng dạy cho từng bài học, thời gian video cho từng bài học.
- e) Xây dựng kịch bản hướng thực hành (nếu môn học/học phần yêu cầu).
- f) Xây dựng bộ câu hỏi, hoạt động tương tác trong các video, bộ câu hỏi kiểm tra, đánh giá quá trình, kết thúc môn học/học phần.

3. Biên soạn tài liệu đọc của cả khoá học/Giáo trình.

Điều 5. Thẩm định chuyên môn về nội dung học liệu

Viện chủ trì thành lập Hội đồng thẩm định để đánh giá, thẩm định và thông qua nội dung học liệu, kịch bản giảng dạy.

Điều 6. Số hóa bài giảng/quay video, biên tập hoàn thiện các video bài giảng

- 1. Xây dựng kịch bản kỹ thuật dựa trên kịch bản giảng dạy. Hội đồng biên soạn học liệu số xây dựng kịch bản giảng dạy phối hợp cùng nhóm kỹ thuật để xây dựng kịch bản quay video, tính toán thời gian từng video để tiến hành quay video bài giảng.
- 2. Kiểm tra toàn bộ video bài giảng, chỉnh sửa kỹ thuật để đảm bảo các yêu cầu về nội dung và kỹ thuật.

Điều 7. Thẩm định chuyên môn về nội dung, chất lượng các video bài giảng

- 1. Viện chủ trì thành lập Hội đồng thẩm định để đánh giá, thẩm định và thông qua nội dung, chất lượng các video bài giảng.
- 2. Hoàn thiện gói học liệu số của môn học/học phần theo góp ý của Hội đồng thẩm định.

Điều 8. Phê duyệt học liệu số và đăng tải lên hệ thống đào tạo trực tuyến

Căn cứ vào kết quả của Hội đồng thẩm định, Viện trưởng phê duyệt và cho phép đăng tải gói học liệu số của môn học/học phần lên hệ thống đào tạo trực tuyến của Viện.

Chương III

YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI SẢN PHẨM HỌC LIỆU SỐ

Điều 9. Gói sản phẩm học liệu số

Gói sản phẩm học liệu số của một môn học/học phần sử dụng trong dạy và học trực tuyến bao gồm: (1) Đề cương chi tiết môn học/học phần; (2) Bộ slide bài giảng toàn bộ môn học/học phần; (3) Bộ tài liệu đọc của toàn bộ môn học/học phần; (4) Bộ video bài giảng theo kịch bản giảng dạy cho môn học/học phần; (5) Bộ video hướng thực hành (nếu có); (6) Bộ câu hỏi tương tác của môn học/học phần; (7) Bộ câu hỏi đánh giá quá trình, kết thúc môn học/học phần; (8) Bộ tài liệu học tập, tài liệu tham khảo được số hoá (tài liệu dạng PDF, video, đường link của video bài giảng, đường link tài liệu tham khảo,...).

Điều 10. Yêu cầu đối với slide bài giảng

1. Tỷ lệ kích thước slide 16:9. Sử dụng loại font chữ không chân như Arial, Helvetica, Time New Roman... với cỡ chữ tối thiểu tương đương chữ Arial cỡ 18. Độ tương phản màu nền, mẫu chữ, hình ảnh phù hợp.
2. Slide cho mỗi bài học cần đầy đủ thông tin: tên môn học/học phần hoặc bài giảng, tên giảng viên/ nhóm biên soạn, đơn vị; có trang mục lục, mục tiêu, nội dung tóm tắt của bài giảng; các trang slide cung cấp nội dung chi tiết của bài giảng; có trang tổng kết bài giảng và giới thiệu nhanh nội dung học tập tiếp theo.
3. Ngôn ngữ sử dụng trong trình bày slide có thể bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh.
4. Số lượng slide cho mỗi bài học tùy thuộc vào nội dung và thời lượng thiết kế của giảng viên/nhóm chuyên môn biên soạn.
5. Tài liệu/hình ảnh và các tài nguyên tham khảo trên từng slide bài giảng cần được ghi trích dẫn nguồn đầy đủ.

Điều 11. Yêu cầu đối với tài liệu đọc của toàn bộ môn học/học phần

1. Tài liệu đọc chứa đựng nội dung của các bài học trong toàn bộ môn học, được biên soạn nhằm giúp cho người học có thể đọc thêm, tìm hiểu, nghiên cứu và tự học.
2. Tài liệu đọc được định dạng PDF (có thể tìm kiếm được văn bản) bao gồm bài viết dạng text sử dụng font Time new roman cỡ chữ 14, cách dòng 1,5 line, căn lề trái 2,5 cm, lề phải 1,5 cm, lề trên và dưới 2 cm. Bài viết có thể minh họa bằng các hình ảnh, đồ thị, bảng biểu... với tỷ lệ và kích thước phù hợp.
3. Số trang tài liệu đọc cho mỗi bài học bảo đảm phù hợp với nội dung truyền tải cho người học của từng bài học.

Điều 12. Yêu cầu đối với video bài giảng/hướng dẫn thực hành

1. Bài giảng điện tử gồm nhiều video được sắp xếp theo nội dung giảng dạy, kịch bản giảng dạy. Các video bài giảng phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật cơ bản sau đây:
 - a) Hình ảnh HD 720p hoặc Full HD 1080p theo tỉ lệ khung hình (slide) 16:9, đảm bảo nhìn hình ảnh rõ nét và không lóa;
 - b) Âm thanh định dạng Mp3 chất lượng 128Kbps hoặc 320Kbps, đảm bảo nghe rõ và không bị nhiễu tiếng.
2. Thời lượng video bài giảng:
 - a) Quy chuẩn thời lượng bài giảng (tính theo số phút truyền phát) theo nguyên tắc: thời lượng mỗi bài giảng không quá 15 phút (khuyến nghị trong khoảng 10-15 phút).
 - b) Tùy thuộc nội dung giảng dạy 1 giờ học trực tiếp trên lớp, có thể thiết kế để xây dựng từ 1 đến 3 video. Mỗi video gắn với một chủ đề kiến thức để người học dễ theo dõi và tiếp thu, khuyến nghị lồng ghép giữa các video là các câu hỏi kiểm tra trắc nghiệm ngắn hoặc các câu hỏi kiểm tra kiến thức một cách phù hợp.
3. Các yêu cầu về hình ảnh của giảng viên và lời thoại:
 - a) Lời thoại phải rõ ràng, tự nhiên và có nội dung gắn kết với nội dung bài giảng.
 - b) Lời thoại bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh tùy theo yêu cầu của mỗi khoá học.

VIỆN
TẠO
CÔNG
HỌC

Điều 13. Yêu cầu về câu hỏi tương tác, đánh giá quá trình, kết thúc học phần

1. Câu hỏi tương tác được thiết kế xen kẽ trong quá trình học tập để giúp người học tổng hợp kiến thức, đánh giá được khả năng tiếp nhận kiến thức của người học sau những khoảng thời gian/nội dung truyền tải phù hợp. Câu hỏi tương tác có thể là câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án trả lời, câu hỏi đúng sai, câu hỏi tình huống. Số lượng câu hỏi tương tác cần phù hợp yêu cầu cụ thể đối với từng bài học.

2. Bài kiểm tra đánh giá quá trình, kết thúc môn học/học phần được thiết kế phù hợp với nội dung môn học.

a) Nếu lựa chọn hình thức kiểm tra trắc nghiệm: số lượng câu hỏi đối với bài kiểm tra đánh giá quá trình tối thiểu là 15 câu, số lượng câu hỏi đối với bài thi kết thúc học phần tối thiểu là 25 câu.

b) Nếu lựa chọn hình thức kiểm tra tự luận: số lượng câu hỏi đối với bài kiểm tra đánh giá quá trình tối thiểu là 01 câu, số lượng câu hỏi đối với bài thi kết học phần tối thiểu là 03 câu.

c) Số lượng câu hỏi trắc nghiệm cho môn học/học phần đảm bảo từ 100 câu trở lên. Số lượng câu hỏi tự luận cho môn học/học phần đảm bảo từ 15 câu trở lên.

3. Các câu hỏi phù hợp với các cấp độ năng lực của người học từ thấp đến cao, được trải trong toàn bộ kiến thức của môn học, phù hợp với yêu cầu chuẩn đầu ra của môn học và có tính phân loại trình độ, kết quả học tập của người học.

Điều 14. Yêu cầu về tài liệu học tập, tài liệu tham khảo

1. Tài liệu học tập được thiết kế phù hợp với nội dung môn học, được cung cấp cho người học với định dạng PDF.

2. Tài liệu tham khảo được lựa chọn phù hợp để giúp người học tìm hiểu thêm, mở rộng các kiến thức có liên quan đến môn học.

3. Có thể cung cấp tên giáo trình, danh mục tài liệu học tập, danh mục tài liệu tham khảo (hoặc các đường link tài liệu tham khảo), nhưng phải đầy đủ thông tin để người học dễ dàng tìm kiếm, tiếp cận.

Điều 15. Bản quyền

1. Học liệu số do giảng viên (tác giả) hoặc nhóm chuyên môn xây dựng (các đồng tác giả) được bảo hộ quyền tác giả, Viện là chủ sở hữu quyền tác giả đối với bài giảng đó theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Các thông tin, hình ảnh, audio, video... được sử dụng khi xây dựng học liệu số được khai thác từ các nguồn học liệu mở, các nguồn tài liệu có bản quyền phải tuân thủ theo các quy định pháp luật về bản quyền và sở hữu trí tuệ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị thuộc Viện có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng.

2. Phòng Đào tạo, Nghiên cứu và Hợp tác phát triển là đầu mối giúp Viện trưởng tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy định này; đề xuất, kiến nghị với lãnh đạo Viện những biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện hiệu quả.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp, trường các đơn vị đề xuất bằng văn bản cho Viện trưởng thông qua Phòng Đào tạo, Nghiên cứu và Hợp tác phát triển để xem xét ban hành sửa đổi, bổ sung./.

11